| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ UÔNG BÍ**<br>**TỈNH QUẢNG NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04 -5- 2020
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Vui
2. Bà Vũ Thị Xuyến
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 16 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị **Đoàn Thị N**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: Tổ 2, khu 8, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).
**Bị đơn**: Anh **Hà Văn N**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Tổ 2, khu 8, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 06 tháng 12 năm 2019, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N và anh Hà Văn N đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 8 năm 2001 tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố Uông Bí, trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ năm 2003 anh N hay uống rượu đến mức bê tha, không làm chủ được hành vi, lời nói và không còn quan tâm đến gia đình,

thường xuyên đánh chửi vợ con. Do cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng, nhiều lần chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng vì thương các con, chị N lại quay về tiếp tục sống với anh N, mong anh cải sửa, tu chí nhưng anh N không thay đổi. Đến nay chị N thấy rằng không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn N.

Về nuôi con chung: Chị Đoàn Thị N và anh Hà Văn N có 03 con chung là các cháu: Hà Ngọc M sinh ngày 08 tháng 02 năm 2002, Hà Đức T sinh ngày 18 tháng 10 năm 2004, cháu Hà Văn N sinh ngày 25 tháng 01 năm 2009. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn N, giao cháu Hà Đức T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Hà Ngọc M đã thành niên, phát triển bình thường, hiện đang có công việc ổn định nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2020, bị đơn anh Hà Văn N có quan điểm:* Quan hệ gia đình giữa anh và chị N vẫn bình thường. Anh thừa nhận có uống rượu nhưng trước đây vẫn đi làm phụ xây, khoảng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay anh nghỉ ở nhà tăng gia, sản xuất vườn chuồng vì sức khỏe yếu không đi làm được nữa. Anh N không đồng ý ly hôn như yêu cầu khởi kiện của chị N và đề nghị vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, nếu ly hôn về nuôi con chung cháu T và cháu N có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, còn cháu M đã trưởng thành không đề nghị giải quyết và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/3/2020, đại diện tổ dân khu phố, nơi anh N và chị N cư trú cho biết chị N và anh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 3, khu 8, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N uống nhiều rượu, không chăm lo cho gia đình. Hiện nay, chị N đã về Hải Phòng sinh sống, còn anh N vẫn ở tại Uông Bí.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 20/02/2020, ông Hà Ngọc C và ông Hà Ngọc L (anh trai của anh N) cho biết vợ chồng anh N và chị N có mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân, hiện nay chị N đang sống tại Hải Phòng, không còn ở cùng anh N.

Tại biên bản lấy lời khai con chung (từ 7 tuổi trở lên) ngày 05/3/2020, cháu Hà Văn N trình bày có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Hà Đức T có nguyện vọng ở với bố.

**Tại phiên toà:**

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa chị Đoàn Thị N và anh Hà Văn N đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh N.

Giao con chung cháu Hà Văn N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung cháu Hà Đức T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

*Về thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn chị Đoàn Thị N khởi kiện vụ án dân sự "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" với bị đơn anh Hà Văn N, có địa chỉ tại thành phố Uông Bí nên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí có thẩm quyền giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa*: Ngày 26/3/2020, chị Đoàn Thị N có đơn xin xử vắng mặt; anh Hà Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

**[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Đoàn Thị N và bị đơn anh Hà Văn N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố Uông Bí trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện. Căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn tại chính quyền địa phương, qua thông tin từ người trong gia đình cung cấp, thấy rằng lời khai của nguyên đơn là có cơ sở. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh N, kéo dài từ năm 2003 cho đến nay, nguyên nhân là do anh N uống nhiều rượu, không chí thú làm ăn, thiếu trách nhiệm với gia đình. Mặc dù, chị N đã nhiều lần cho anh N có cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N không thay đổi. Đến tháng 6 năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm, do anh N nhiều lần uống rượu có hành vi đánh chửi vợ, con nên chị N đã cùng với con là cháu Hà Văn N sang Hải Phòng để làm ăn, sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, anh Hà Văn N bày tỏ nguyện vọng, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng khi Tòa án tiến hành hòa giải anh N thể hiện thái độ thiếu hợp tác, không ký tên vào biên bản, có lời lẽ thiếu chuẩn mực với chị N ngay tại buổi hòa giải.

Như vậy, qua phân tích, đánh giá trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Thị N, cho chị N được ly hôn với anh N là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

*[2.2] Về nuôi con chung:*

Quá trình chung sống chị Đoàn Thị N và anh Hà Văn N có 03 con chung là các cháu: Hà Ngọc M sinh ngày 08 tháng 02 năm 2002, Hà Đức T sinh ngày 18 tháng 10

năm 2004, cháu Hà Văn N sinh ngày 25 tháng 01 năm 2009. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Văn N, giao cháu Hà Đức T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu Hà Ngọc M đã thành niên, phát triển bình thường, hiện đang có công việc ổn định nên không yêu cầu giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị này của chị N phù hợp nguyện vọng của cháu N là muốn ở với mẹ và cháu T là muốn ở với bố; phù hợp với quan điểm của anh N nếu vợ chồng ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, cũng phù hợp với thực tế vì hiện nay cháu N đang ở, học tập ổn định cùng chị N tại thành phố Hải Phòng và cháu T đang ở, học tập ổn định cùng với anh N ở thành phố Uông Bí, Vì vậy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của chị Đoàn Thị N về nuôi con chung.

*[2.3] Về tài sản chung*: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

*[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm***:** Chị Đoàn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**[3] Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Đoàn Thị N.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị N được ly hôn anh Hà Văn N.

**2.** Về nuôi con chung: Giao con chung Hà Văn N, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2009 cho chị Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Hà Đức T, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2004 cho anh Hà Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm nuôi dưỡng con chung kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2020, cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Đoàn Thị N và anh Hà Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị N phải nộp 300.000$^{đ}$ (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000$^{đ}$ theo biên lai thu 0003172 ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

**4**. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thanh Thuý**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tp. Uông Bí;*
- *Chi cục THA dân sự tp.Uông Bí;*
- *UBND phường Thanh Sơn;*
*tp.Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (nơi ĐKKH).*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ, VP./.*